

Số: /TB-TTKSBT

Đà Nẵng, ngày tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá Gói mua sắm: Mua vật tư, hóa chất Hóa lý - Vi sinh phục vụ hoạt động chuyên môn trong công tác xét nghiệm và bảo quản thiết bị

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng đang có nhu cầu Mua vật tư, hóa chất Hóa lý - Vi sinh phục vụ hoạt động chuyên môn trong công tác xét nghiệm và bảo quản thiết bị.

Để có cơ sở thực hiện đấu thầu mua sắm, kính mời Quý công ty có quan tâm vui lòng chào giá theo Phụ lục đính kèm.

Ghi chú:

- Quý công ty vui lòng điền đầy đủ thông tin như mẫu trên, ghi rõ ngày tháng chào giá, thời gian có hiệu lực của báo giá (kể từ ngày chào giá). Đơn giá hàng hóa bằng tiền đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan.

- Thành tiền = Số lượng x Đơn giá

- Bì thư phải được niêm phong, đóng dấu, bên ngoài ghi rõ “Bảng chào giá: Mua vật tư, hóa chất Hóa lý - Vi sinh phục vụ hoạt động chuyên môn trong công tác xét nghiệm và bảo quản thiết bị” gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 118 Lê Đình Lý, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

(Liên hệ Văn thư số điện thoại: 0236.3890408 hoặc qua email: kiemsoatbenhtat@danang.gov.vn).

- Công ty gửi kèm theo Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) và Giấy phép lưu hành tại Việt Nam (nếu có).

- **Hạn chót nhận báo giá lúc: 14h00 ngày 20/11/2025.**

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để b/c);
- Khoa XNCDHA-TCDN, TCKT (để tham gia xét chọn giá);
- Website đơn vị, cổng mua sắm công;
- Lưu: VT, DVTTYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thành Chung

Phụ lục

(Đính kèm Thông báo số /TB-TTKSBT ngày /11/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Màng lọc 0,45 micromet				Kích thước lỗ lọc 0,45 micromet, đường kính màng lọc 47mm; Màng lọc PTFE	Cái	200		
2	Quả bóp cao su 3 van				Làm từ cao su tự nhiên hay tổng hợp, có khả năng kháng hóa chất ở mức độ thông thường. Có 3 van bi: van thải khí, van hút dung dịch, van xả dung dịch	Cái	03		
3	Quả bóp cao su đuôi chuột				Quả bóp cao su dạng đuôi chuột dùng cho pipette, vật liệu cao su thiên nhiên hoặc tổng hợp chịu hóa chất; dung tích khoảng 30ml, với cổ phù hợp pipette tiêu chuẩn	Cái	03		
4	Ethanol absolute PA 99,9%				Dạng lỏng, độ tinh khiết > 99,9%	ml	2.500		
5	Chỉ thị metyl xanh				Dạng tinh thể, màu xanh đậm	gam	25		
6	Chỉ thị metyl đỏ				Dạng tinh thể, màu tím hoặc nâu đỏ	gam	25		
7	Ống chuẩn H ₂ SO ₄ 0,1N				Nồng độ H ₂ SO ₄ 0,1N	ống	02		
8	Axit sunfuric				Hàm lượng axit Sunfuric (H ₂ SO ₄) ≥ 96%	ml	1.000		
9	Glycine (analytical standard, for nitrogen determination according to Kjeldahl method)				Assay ≥ 99%; Impurities: 18.6%±0.2% total nitrogen acc. to Kjeldahl loss: ≤0.05% loss on drying	gam	10		
10	Amonium chloride				Assay ≥ 99,5%	gam	500		
11	Fe ₂ (SO ₄) ₃				- Khối lượng phân tử: 399,88 g/mol (khan) - Ti trọng: 3.097 g/cm ³ (khan) - Độ nóng chảy: 480°C (896°F; 753 K) (khan)	gam	250		

STT	Tên hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	KMnO ₄ 0,1N				Nồng độ KMnO ₄ 0,1N	ống	02		
13	CuSO ₄				Màu xanh, ở dạng tinh thể, không mùi. Khối lượng phân tử 249,69 g/mol	gam	500		
14	NaOH				Chất rắn, dạng viên, vảy hoặc hạt; màu trắng, hàm lượng NaOH >96%	gam	2.000		
15	Na ₃ PO ₄ .12H ₂ O				Hóa chất sử dụng để phân tích, chất rắn màu trắng, dạng hạt hoặc tinh thể	gam	1.000		
16	Ống chuẩn NaOH 0,1N				Hàm lượng NaOH 0,1N	ống	02		
17	Multi Cation Standard 2 for IC TraceCERT®, ≤0.1% in nitric acid (Ba, Ca, K, Li, Mg, Mn, Na, NH ₄ , Sr) 100 mg/L				certified reference material TraceCERT® Ba, 100 mg/L Ca, 100 mg/L K, 100 mg/L Li, 100 mg/L Mg, 100 mg/L Mn, 100 mg/L Na, 100 mg/L NH ₄ , 100 mg/L Sr, 100 mg/L ≤0,1% in nitric acid ion chromatography: suitable	ml	100		
18	MYP (Mannitol Egg Yolk Polymyxin)				Thành phần: g/lít Cao thịt bò: 1,0 g; Pepton từ casein: 10,0 g; D-mannitol: 10,0 g; NaCl: 10,0g; Phenol đỏ: 0,025g; Thạch: 12 -18g.	gam	500		
19	MKTTn (Muller-Kauffmann Tetrathionate Novobiocin)				Thành phần: g/lít Pepton từ casein: 8,6g; Cao thịt: 4,3g; NaCl: 2,6g; CaCO ₃ : 38,7g; Natri thiosulfat ngâm 5 phân tử nước: 30,5g; Mật bò: 4,78g; Brilliant green: 9,6mg.	gam	500		
20	Chủng vi sinh: Klebsiella pneumoniae NCTC® 9633 / ATCC® 13883				- Chủng VSV được cố định bằng lớp gel cho phép cấy trực tiếp lên các môi trường mà không cần hoạt hóa. - Quy cách đóng gói có thể dưới dạng: + Que độc lập có chứa một viên vi sinh vật đông khô, một ống dịch ngâm nước và một que cấy; + Đựng trong lọ dưới dạng đông khô, có dung dịch hoàn nguyên khi sử dụng.	que	05		

STT	Tên hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
					- Mật độ vi khuẩn/lớp: >104CFU - Đòi chủng: ≤ 3 (F3) - Bảo quản: 2 - 8 độ C				
21	Chủng nấm mốc Aspergillus brasiliensis (ATCC 16404)				- Chủng nấm mốc được cố định bằng lớp gel cho phép cấy trực tiếp lên các môi trường mà không cần hoạt hóa. - Quy cách đóng gói có thể dưới dạng: + Que độc lập có chứa một viên vi sinh vật đông khô, một ống dịch ngâm nước và một que cấy; + Đựng trong lọ dưới dạng đông khô, có dung dịch hoàng nguyên khi sử dụng. - Mật độ nấm mốc/lớp: >104CFU - Đòi chủng: ≤ 3 (F3) - Bảo quản: 2 - 8 độ C	que	05		

Bảng chữ: đồng.

Giá trên bao gồm các loại thuế và chi phí giao hàng tại Trung tâm.